

VNINDEX	HNX	UPCOM	DOW JONES	NIKKEI 225	DAX
1,268.86 -0.25%	228.18 -0.46%	92.74 0.00%	44,148.56 -0.22%	39,372.23 +0.01%	20,399.16 +0.34%



Nhận định thị trường và chiến lược

“**Điều chỉnh thanh khoản thấp**”

Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm -3.21 điểm (-0.25%) về mức 1268.86 điểm, tổng giá trị giao dịch trên sàn HOSE đạt 15.3 nghìn tỷ đồng, tăng +6% so với phiên trước. Chỉ số VN30 tăng +0.63 điểm (+0.05%) lên mức 1336.48 điểm với 10 mã tăng, 16 mã giảm và 4 mã tham chiếu.

VN-Index rung lắc, giằng co khi tiệm cận gần vùng kháng cự 128x điểm. Trong phiên, lực bán chủ động xuất hiện tại phiên chiều khi chỉ số giảm điểm mạnh, tuy nhiên thanh khoản ghi nhận thấp (15 nghìn tỷ/phiên). Các nhóm giao dịch trong sắc đỏ là chủ yếu nhưng dòng tiền tại đây tập trung khá thấp gồm Bán lẻ (-1.24%), Điện nước xăng dầu khí đốt (-0.98%), Xây dựng (-0.61%), Hàng công nghiệp (-0.57%). Các cổ phiếu có diễn biến tiêu gồm YEG (+4.96%), CSV (+4.17%), HTN (+4.13%), ELC (+3.2%).

Diễn biến của các nhóm chỉ số thị trường chính: VN-Index (-0.25%), HNX-Index (-0.46%), UPCOM-Index (0%), VN30 (+0.05%), VNMIID (-0.28%), VNSML (-0.03%), VNDIAMOND (-0.19%), VNFINLEAD (+0.12%), VNCOND (-0.79%), VNCONS (+0.43%).

Các cổ phiếu tác động tích cực tới chỉ số VN-Index gồm FPT (+0.36 điểm), SHB (+0.22 điểm), HDB (+0.18 điểm) trong khi đó các cổ phiếu kéo giảm điểm thị trường gồm VCB (-1.63 điểm), GVR (-0.29 điểm), MWG (-0.28 điểm).

Khối ngoại bán ròng -195.53 tỷ đồng trong đó các cổ phiếu bị khối ngoại bán ròng gồm VRE (-132.2 tỷ), MWG (-71.71 tỷ), PVD (-42.2 tỷ). Các cổ phiếu được khối ngoại mua ròng gồm FPT (+75.39 tỷ), TCB (+71.74 tỷ), HDG (+60.76 tỷ).

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Biến độ dao động trong phiên của VN-Index gia tăng so với phiên trước tuy nhiên thanh khoản vẫn duy trì ở mức thấp cho thấy lực bán giằng co xuất hiện nhưng không đáng kể. Trên biểu đồ ngày, cặp đường trung bình MA10/20 ngày tiếp tục hướng lên, đường giá vẫn động quanh mốc 1270 điểm với giá trị giao dịch trung bình 15 nghìn tỷ/phiên. Điều này cho thấy chỉ số đang tích lũy đi ngang và hấp thụ lực cung. Hiện tại, trạng thái của chỉ số không có nhiều thay đổi so với phiên giao dịch trước, chúng tôi giữ quan điểm về xu hướng tái tích lũy trên vùng đỉnh của VN-Index trước khi bước sang xu hướng mới. Nhà đầu tư tiếp tục cần trọng với các nhịp fomo trong tuần này.

Trên các biểu đồ khung nhỏ, lực bán xuất hiện chủ yếu trên khung H1, kéo đường giá cắt xuống cặp đường trung bình MA10/20. Trạng thái của chỉ số tạm thời suy yếu trên khung H1 trong đó các chỉ báo kỹ thuật như MFI, Stoch lần lượt trở về sát vùng quá bán.

Xét về tổng quan, VN-Index vẫn đang trong xu hướng hồi phục tiếp diễn trên biểu đồ ngày. Việc thị trường điều chỉnh nhẹ khi tiệm cận gần với mốc Fibo 61.8% tương đương 128x điểm cho thấy điểm số cần thời gian hấp thụ lực cung, tích lũy tạo nền thuyết phục trước khi bước sang xu hướng mới. Các nhịp điều chỉnh trên khung H1 sẽ là cơ hội để nhà đầu tư giải ngân lấy vị thế.

Hỗ trợ trên biểu đồ H1 tại vùng 1237 điểm.
Hỗ trợ trên biểu đồ tuần của VN-Index là 1164 – 1184 điểm.

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

Biến độ dao động trong phiên lớn hơn so với phiên trước khi chỉ số dần tiệm cận lên vùng Fibo 61.8%, cho thấy lực cung vẫn còn đủ mạnh khá nhiều tại vùng kháng cự này. VN-Index cần thời gian kiểm định, tích lũy trước khi cho tín hiệu về xu hướng tăng mới. Nhà đầu tư ngắn hạn ưu tiên gia tăng cổ phiếu tại các phiên giảm điểm, tránh fomo khi thị trường đang tăng nóng để có vị thế tốt nhất.

Trong trường hợp VN-Index kiểm định vùng 128x điểm không thành công sẽ có khả năng quay lại trạng thái điều chỉnh trên khung H1. Mốc hỗ trợ trên khung H1 tại 1237 điểm.

Mốc hỗ trợ trên biểu đồ tuần của VN-Index là 1164 – 1184 điểm.

BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

🔗 Bản tin Tiêu điểm ngành (06/12/2024)
🔗 Báo cáo ngân cập nhật KQKD Q3/2024

TIN TỨC THẾ GIỚI

🔗 Trữ Pháp, nợ công của châu Âu không đáng ngại
🔗 Số liệu xuất khẩu của Trung Quốc cho thấy xu hướng tăng chậm lại
🔗 Mỹ dự báo thế giới sẽ thâm hụt 100.000 thùng dầu thô/ngày trong năm 2025

TIN TỨC NỔI BẬT TRONG NGÀY

🔗 Hà Nội đặt mục tiêu tăng trưởng năm 2025 là là 6.5%
🔗 ADB nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam
🔗 Thị trường Anh sẽ “tử chối” sản phẩm không đạt các tiêu chí phát triển bền vững

LỊCH SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý

12/12/2024: Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 11
13/12/2024: Vaneck công bố danh mục

Chỉ số thị trường Việt Nam	11/12/2024	(+/-) 1 phiên	(+/-) 7 phiên	(+/-) 30 phiên
VNINDEX	1,268.86	-0.25%	1.52%	0.35%
VNINDEX GTGD (Tỷ VND)	15,285.78	6.06%	-2.19%	-15.17%
HNX	228.18	-0.46%	1.28%	0.80%
HNX GTGD (Tỷ VND)	1,104.27	-4.49%	21.21%	78.35%
Upcom	92.74	0.00%	0.32%	0.39%
Upcom GTGD (Tỷ VND)	772.84	0.56%	23.65%	29.54%
P/E VNindex (x)	13.28	-0.23%	1.45%	-2.71%
P/B VNindex (x)	1.69	0.00%	1.81%	0.60%

Upcom			92.74		0.00%		0.32%		0.39%	
Upcom GTGD (Tỷ VND)			772.84		0.56%		23.65%		29.54%	
P/E VNindex (x)			13.28		-0.23%		1.45%		-2.71%	
P/B VNindex (x)			1.69		0.00%		1.81%		0.60%	

TOP TĂNG/GIẢM THEO VỐN HÓA TRÊN SÀN HOSE

Top cổ phiếu Bluechip	Top 5 mã tăng giá 1 phiên	Top 5 mã giảm giá 1 phiên	Top 5 mã tăng giá 7 phiên	Top 5 mã giảm giá 7 phiên	Top 5 mã tăng giá 30 phiên	Top 5 mã giảm giá 30 phiên						
1	HDB	1.15%	POW	-1.98%	HDB	8.72%	VRE	-1.98%	BVH	24.24%	MWG	-9.77%
2	FPT	0.67%	MWG	-1.32%	SSI	7.61%	POW	-1.98%	FPT	11.51%	VPB	-5.87%
3	VNM	0.47%	VCB	-1.27%	PDR	5.56%	NVL	-1.40%	HDB	5.28%	TPB	-5.78%
4	STB	0.45%	VRE	-1.14%	KDH	4.86%	PLX	-0.25%	SAB	4.35%	MSN	-5.09%
5	TCB	0.42%	PLX	-0.99%	FPT	3.79%	VHM	-0.12%	PDR	3.80%	STB	-4.40%

Top cổ phiếu Mid cap	Top 5 mã tăng giá 1 phiên	Top 5 mã giảm giá 1 phiên	Top 5 mã tăng giá 7 phiên	Top 5 mã giảm giá 7 phiên	Top 5 mã tăng giá 30 phiên	Top 5 mã giảm giá 30 phiên						
1	PSH	6.74%	TMP	-6.83%	ANV	12.02%	SVC	-6.49%	VTP	58.31%	SVC	-10.00%
2	SJS	5.71%	ORS	-3.23%	CRE	11.22%	VND	-4.00%	TLG	40.47%	VND	-9.28%
3	KDC	4.77%	EVF	-1.91%	ORS	10.70%	LGC	-3.39%	DXS	35.81%	GEX	-8.82%
4	SCR	3.89%	GEX	-1.85%	SCR	10.34%	BWE	-3.09%	ANV	23.68%	PVD	-7.41%
5	DHG	3.35%	KBC	-1.74%	STG	10.24%	EVF	-2.84%	HAG	20.77%	HSG	-6.91%

Top cổ phiếu Small cap	Top 5 mã tăng giá 1 phiên	Top 5 mã giảm giá 1 phiên	Top 5 mã tăng giá 7 phiên	Top 5 mã giảm giá 7 phiên	Top 5 mã tăng giá 30 phiên	Top 5 mã giảm giá 30 phiên						
1	SMC	6.98%	PMG	-6.94%	HTN	32.14%	HRC	-12.44%	VRC	48.89%	RDP	-29.19%
2	SGR	6.94%	FDC	-6.80%	YEG	23.85%	CIG	-12.29%	YEG	41.63%	DTL	-19.29%
3	TCO	6.84%	HRC	-5.94%	ABS	22.34%	DH	-9.89%	TTA	29.00%	TDH	-19.26%
4	ABR	6.62%	DHM	-5.65%	ABR	21.97%	M		MCP	27.69%	CTF	-18.33%
5	VRC	5.51%	DAT	-4.82%	VRC	19.11%	SC5	-9.50%	TRC	27.10%	FDC	-14.38%

TỔNG HỢP CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI, TỶ GIÁ VÀ HÀNG HÓA					
	11/12/2024	(+/-) 1 phiên	(+/-) 7 phiên	(+/-) 30 phiên	
TTCK Toàn cầu					
DAX	20,399.16	0.34%	1.91%	6.93%	
Dow Jones	44,148.56	-0.22%	-1.25%	4.76%	
FTSE 100	8,301.62	0.26%	-0.69%	2.36%	
Nikkei 225	39,372.23	0.01%	0.31%	0.24%	
S&P 500	6,084.19	0.82%	0.57%	4.65%	
Tỷ giá					
USD/VND	25,360.00	-0.04%	-0.16%	0.04%	
USD/JPY	151.97	0.53%	1.58%	-0.83%	
GBP/USD	1.28	0.00%	0.79%	-1.54%	
EUR/USD	1.05	-0.94%	0.00%	-3.67%	
Năng lượng					
Dầu thô Brent	USD/Bbl	73.52	1.84%	-0.14%	0.98%
Khí tự nhiên	USD/MMBtu	3.35	6.01%	10.20%	23.62%
Than	USD/T	133.25	0.00%	-2.02%	-8.10%
Kim loại và vật liệu xây dựng					
Vàng	USD/t.oz	2,719.53	0.87%	2.90%	-0.99%
Thép cuộn cán nóng	USD/T	677.00	0.30%	-1.88%	-5.31%
Bạc	USD/t.oz	31.92	0.06%	3.00%	-2.30%
Đồng	USD/Lbs	4.22	0.00%	1.69%	-2.09%
Thép	CNY/T	3,320.00	0.00%	-1.04%	2.06%
Quặng sắt	USD/T	105.63	-0.67%	0.29%	1.48%
Gỗ	USD/1000 board feet	559.14	-0.86%	-5.89%	1.10%
Nông nghiệp					
Lúa mì	USd/Bu	552.50	1.94%	2.93%	-3.62%
Đường	USd/Lbs	21.31	1.19%	0.61%	-3.36%
Lợn hơi	USD/Lbs	83.50	0.69%	0.30%	-1.04%
Cao su	USD Cents / Kg	205.20	-0.48%	5.39%	5.56%
Cà phê	USD/Lbs	318.48	-4.36%	7.96%	26.98%

BIỂU ĐỒ TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG NGÀY 11/12/2024

1. Độ rộng thị trường

BIỂU ĐỒ TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG NGÀY 11/12/2024				
1. Độ rộng thị trường				
Viễn thông	1.08%			
Dược phẩm và Y tế	0.69%			
Công nghệ Thông tin	0.67%			
Hàng Tiêu dùng	0.28%			
Tài chính	-0.23%			
Ngân hàng	-0.24%			
Nguyên vật liệu	-0.28%			
Công nghiệp	-0.40%			
Dầu khí	-0.45%			
Dịch vụ Tiêu dùng	-0.85%			
Tiền tệ Cộng đồng	-0.93%			
2. Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số				
FPT	0.33			
SHB	0.21			
HDB	0.18			
KDC	0.16			
TCB	0.16			
VNM	0.14			
DHG	0.11			
EIB	0.11			
SJS	0.10			
VIC	0.09			
SAB	-0.14			
GAS	-0.16			
BID	-0.19			
HVN	-0.19			
HPG	-0.21			
BCM	-0.23			
LPB	-0.25			
GVR	-0.26			
MWG	-0.26			
VCB	-1.47			
3. GTGD ròng nước ngoài 10 phiên (tỷ VND)				
28/11	37			
29/11	360			
02/12	-424			
03/12	-301			
04/12	-712			
05/12	671			
06/12	362			
09/12	-479			
10/12	-1			
11/12	-434			
4. GTGD ròng tự doanh 10 phiên (tỷ VND)				
28/11	-50			
29/11	-100			
02/12	68			
03/12	-280			
04/12	-373			
05/12	947			
06/12	301			
09/12	-107			
10/12	-201			
11/12	-519			
5. Top GTGD NĐT nước ngoài trong phiên				
Top 5 mua	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)		
FPT	75,397	543,353		
TCB	71,712	2,908,976		
HDG	33,765	34,900		
HDB	40,959	44,060		
CTG	25,192	692,875		
Top 5 bán	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)		
GDA	-2,000,000			
PVS	-1,355,000			
MWG	-1,187,000			
ACV	-803,700			
VRE	-2,400,000			
6. Top GTGD NĐT tự doanh trong phiên				
Top 5 mua	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)		
BSR	18,171	295,876		
VHM	7,317	176,300		
KDH	7,207	208,800		
VRE	5,644	320,500		
EIVFVN30	5,643	261,700		
Top 5 bán	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)		
FDC	-2,149,000	2,320,000		
FUEMAY30	-2,000,000	2,000,000		
HDG	-2,000,000	-1,111,000		
HPG	-2,000,000	-1,300,000		
STB	-2,000,000	-1,070,000		

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Địa chỉ: 36 P. Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 3562 4626 Ext: 151

Email: research@abs.vn

Website: ABS.VN

Giải thưởng

BEST STOCK TRADING APP

ABS INVEST

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

TỐT NHẤT VIỆT NAM 2023

Trào bởi Global Business Outlook 2023 (GBO 2023)